

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Các hạng mục công trình phục vụ Dự án khai thác hầm lò phần mở rộng mỏ Hà Ráng tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến luật quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội khóa XV thông qua ngày 16/6/2022 “Tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 06/5/2022 của Chính phủ “Về thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030; về việc hoàn thiện thủ tục, hồ sơ trình một số dự án luật”;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ “Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng”; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng”; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính Phủ “Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy”;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Căn cứ Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam giai đoạn 2020 có xét triển vọng đến 2030”; Quyết định số 1265/QĐ-TTg ngày 24/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ “V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển ngành Than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030 (điều chỉnh)”;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2020 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Quy hoạch chung thành phố Hạ Long đến năm 2040”;

Căn cứ Văn bản số 3888/VP.UBND-QHTN&MT ngày 20/06/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh “V/v Công ty Than Hòn Gai - TKV đề nghị chấp thuận chủ trương lập qui hoạch chi tiết Dự án Khai thác hầm lò phần mở rộng mỏ Hà Ráng tại thành phố Hạ Long và thành phố Cẩm Phả”;

Căn cứ Thông báo số 1043-TB/TU ngày 03/10/2023 của Thành ủy Hạ Long “Thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy tại Hội nghị ngày 02 và 03/10/2023”;

Căn cứ các văn bản tham gia ý kiến của các Sở ngành, cơ quan liên quan: Văn bản số 2131/SCT-QLCN ngày 17/7/2023; Văn bản số 926/KL-QLBVR&BTNN ngày 18/7/2023 của Chi cục Kiểm lâm; Văn bản số 3233/SNN&PTNT-KL ngày 20/7/2023 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Văn bản số 2776/SXD-QH ngày 24/7/2023 của Sở Xây dựng Văn bản số 3967/TNMT-QHKH ngày 28/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 4403/PCCC ngày 04/8/2023 của phòng Cảnh sát PCCC và CNC - Công an tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Văn bản số 346/UBND ngày 18/7/2023 của UBND phường Hà Khánh “V/v lấy ý kiến về hồ sơ nhiệm vụ đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các hạng mục công trình phục vụ khai thác than hầm lò phần mở rộng mỏ Hà Ráng tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long”;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 22/8/2023 “Về Nhiệm vụ và đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Các hạng mục công trình phục vụ Dự án khai thác than hầm lò phần mở rộng mỏ Hà Ráng tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh”;

Căn cứ các Quy chuẩn và Tiêu chuẩn Việt Nam về Quy hoạch xây dựng hiện hành;

Xét báo cáo giải trình và đề nghị của Công ty Than Hòn Gai - TKV tại Văn bản số 877/VHGC-ĐT ngày 07/8/2023 và Tờ trình số 1095/TTr-VHGC ngày 03/7/2023, nội dung báo cáo của phòng Quản lý đô thị tại Báo cáo thẩm định số 200/BCTĐ-QLĐT ngày 31/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Các hạng mục công trình phục vụ Dự án khai thác hầm lò phần mở rộng mỏ Hà Ráng tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh” do Công ty cổ phần xây

dụng thương mại C.T.C lập, với những nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu của quy hoạch:

- Khai thác tối đa trữ lượng than bằng phương pháp hầm lò đảm bảo một phần sản lượng than cho Công ty Than Hòn Gai - TKV giai đoạn sau 2020, nhằm duy trì và đáp ứng yêu cầu về sản lượng mỏ theo Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023.

- Tận dụng tối đa các thiết bị, công trình, cơ sở hạ tầng, lao động hiện có và đầu tư các thiết bị tiên tiến phục vụ khai thác với công suất 900.000 tấn/năm, góp phần vào sự ổn định và đảm bảo năng lượng Quốc gia; Thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và tạo điều kiện việc làm cho người lao động trên địa bàn Thành phố.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai dự án đầu tư xây dựng và quản lý quy hoạch, xây dựng.

2. Phạm vi ranh giới, diện tích quy hoạch:

2.1. Phạm vi nghiên cứu: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long. Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp khu văn phòng điều hành hiện có;
- Phía Tây và phía Bắc giáp đồi núi;
- Phía Nam giáp khu vực đồi núi và Dự án khai thác lộ thiên khu Bù Lù, Tân Lập của Tổng Công ty Đông Bắc.

2.2. Diện tích: Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch 34.808,7 m² (3,48 ha) được giới hạn bởi các điểm từ 1÷9 (có tọa độ thể hiện trong bản vẽ Sơ đồ vị trí giới hạn khu đất nghiên cứu quy hoạch được duyệt).

3. Tính chất: Là mặt bằng sân công nghiệp và các hạng mục phụ trợ phục vụ Dự án khai thác hầm lò phần ở rộng mỏ Hà Ráng với công suất 900 nghìn tấn/năm.

4. Dự báo công suất và thời gian khai thác, các chỉ tiêu sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật trong khu vực quy hoạch:

4.1. Dự báo công suất và thời gian khai thác: Công suất khai thác 900 nghìn tấn/năm (Theo Phụ lục II.2 – Danh mục các dự án đầu tư mỏ than giai đoạn 2021-2030 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050); Thời gian khai thác 17 năm (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản và thời gian khai thác).

4.2. Các số liệu chỉ tiêu dự kiến về sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật khu vực lập quy hoạch:

Bảng 1: Chỉ tiêu bảng cơ cấu sử dụng đất dự kiến

Stt	Danh mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất khu mặt bằng Sân công nghiệp +50	31.768,7	91,3
-	Công trình xây dựng	1.058,2	

-	Cây xanh cảnh quan, cách li	15.229,0	
-	Sân bãi sản xuất	11.672,6	
-	Sân, đường giao thông, HTKT ...	3.808,9	
2	Tuyến điện 35kV & hành lang an toàn	3.040,0	8,7
	Tổng cộng	34.808,7	100,0

Bảng 2: Chỉ tiêu bảng thông số kinh tế - kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Tổng diện tích nghiên cứu	Ha	3,48
II	Công suất	tấn/ năm	900.000
III	Thời gian khai thác	năm	17
IV	Chỉ tiêu đất công nghiệp bến bãi		
	- Bến, bãi	m ² /bãi	≥ 1000
	- Kho tàng	m ² /kho	≥ 500
	- Khu văn phòng	m ² /người	30 ÷ 35
	- Nhà ăn ca	m ² /người	12
V	Tầng cao tối đa		
	- Công trình công nghiệp bến bãi:	Tầng	1
VI	Mật độ xây dựng gộp toàn khu	%	≤ 40
VII	Hạ tầng kỹ thuật		
	- Cấp nước:		
	+ Cấp nước chống bụi hầm lò	Lít/tấn/ngày đêm	25
	+ Cấp nước tưới bụi kho than, xưởng sàng	Lít/m ² /ngày 2 lần	0,5
	+ Cấp nước tưới cây, rửa đường	Lít/m ² /ngày 4 lần	3,0
	+ Cấp nước chữa cháy trên mặt bằng	Lít/s	15
	- Cấp điện:		
	+ Công trình	W/m ² sản	30
	+ Chiếu sáng sân đường	W/m ²	1,0
	+ Chiếu sáng công viên, vườn hoa	W/m ²	0,5
	- Thoát nước thải:		
	+ Nước thải sinh hoạt	Lít/người/ca	15
	+ Nước thải hầm lò	% cấp nước hầm lò	100
	- Rác thải:	Kg/người/ng.đ	1,3
	- Thông tin liên lạc	Máy/1000dân	250
	- Chỉ tiêu giao thông:		
	+ Chiều rộng 1 làn xe	Mét/làn	3 ÷ 3,75
	+ Chiều rộng 1 làn đi bộ	Mét/làn	0,5 ÷ 0,75
	+ Đường nội bộ phục vụ PCCC		≥ 4m

5. Các yêu cầu về nội dung nghiên cứu:

5.1. Các yêu cầu chung về nội dung, hồ sơ đồ án: Thực hiện theo các yêu cầu, quy định tại Luật Xây dựng năm 2014; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính Phủ; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây Dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

5.2. Một số yêu cầu và nội dung chính cần phải nghiên cứu:

- Phân tích đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng xây dựng, dân cư, xã hội, kiến trúc cảnh quan, di tích lịch sử văn hóa, khả năng sử dụng quỹ đất hiện có và quỹ đất dự kiến phát triển. Triển khai nghiên cứu đảm bảo cơ cấu quy hoạch chung, cập nhật các dự án liên quan;

- Xác định tính chất, chức năng và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu về sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật của các khu vực thiết kế; nội dung cải tạo và xây dựng mới;

- Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Xác định các chỉ tiêu cho từng lô đất về ranh giới, diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình, vị trí và quy mô các công trình ngầm;

- Quy hoạch mạng lưới đường giao thông: Xác định mạng lưới đường giao thông và điểm đầu nối với các đường khu vực, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; vị trí, quy mô bãi đỗ xe, hệ thống công trình ngầm;

- Quy hoạch cấp nước: Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô các công trình trạm bơm nước; bể chứa; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật;

- Quy hoạch cấp điện: Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cấp điện năng; vị trí quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế và hạ thế; chiếu sáng;

- Quy hoạch thoát nước: Xác định mạng lưới thoát nước; vị trí quy mô các công trình xử lý nước bẩn, chất thải;

- Quy hoạch thông tin liên lạc: Xác định nhu cầu sử dụng, nguồn cung cấp, mạng lưới đường dây cung cấp;

- Dự kiến những hạng mục ưu tiên và nguồn lực thực hiện;

- Đề xuất các quy định quản lý theo quy hoạch chi tiết xây dựng;

- Đánh giá tác động môi trường và đề xuất biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường;

- Cập nhật các quy hoạch và định hướng quy hoạch, dự án trong khu vực; khớp nối về hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc cảnh quan với khu vực lân cận và dự án liên kề; tuân thủ định hướng quy hoạch giao thông chung của khu vực;

- Khảo sát địa hình, lập Quy hoạch chi tiết trên nền bản đồ địa chính theo hệ tọa độ quốc gia VN 2000, kinh tuyến trục 107°45'.

6. Hồ sơ sản phẩm và Dự toán kinh phí, nguồn vốn:

6.1. Hồ sơ sản phẩm: Thành phần, số lượng, nội dung, quy cách hồ sơ thực hiện

theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

6.2. Nguồn vốn: Do Công ty Than Hòn Gai - TKV tổ chức nghiên cứu đảm bảo các quy định hiện hành.

7. Tổ chức thực hiện:

- Đơn vị tổ chức lập quy hoạch: Công ty Than Hòn Gai - TKV.
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Theo quy định hiện hành.
- Cơ quan thẩm định: Phòng Quản lý đô thị thành phố Hạ Long.
- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long.
- Tiến độ triển khai đồ án quy hoạch: Theo quy định hiện hành.

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị; Tài chính - Kế hoạch; Tài nguyên và Môi trường; Kinh tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hà Khánh; Đội trưởng đội Kiểm tra trật tự đô thị và Môi trường Thành phố; Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Văn hóa Thành phố; Giám đốc Công ty Than Hòn Gai - TKV; Các đơn vị và cá nhân căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (b/c);
- Thường trực Thành ủy (b/c);
- Thường trực HĐND Thành phố (b/c);
- CT; các PCT UBND Thành phố;
- Các Sở: XD; TN&MT; NN&PTNT; CT;
- Như điều 3;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Dũng